

Số: /TB-UBND

Tam Nông, ngày tháng 12 năm 2020

## **THÔNG BÁO**

### **Về việc tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2020**

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn về danh mục khung vị trí việc làm và số người làm việc trong cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học; Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Công văn số 320/UBND-KGVX ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc áp dụng quy đổi tương đương đối với trình độ ngoại ngữ trong tuyển dụng, thăng hạng viên chức kể từ năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp, phân công về quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 1720/QĐ-UBND-HC ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông về việc ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2020.

Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông thông báo tuyển dụng viên chức vào công tác tại các Trường Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở năm 2020, cụ thể như sau:

## **I. CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC**

Chỉ tiêu cần tuyển: 113 viên chức, chia ra:

- Các vị trí việc làm giáo viên Mầm non hạng IV, mã số: V.07.02.06, công tác tại Trường Mầm non, Mẫu giáo: 48 chỉ tiêu.

- Các vị trí việc làm giáo viên Tiểu học hạng IV, mã số V.07.03.09, công tác tại Trường tiểu học, Tiểu học và Trung học cơ sở: 38 chỉ tiêu.

- Các vị trí việc làm giáo viên Trung học cơ sở hạng III, mã số V.07.04.12, công tác tại Trường Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở: 25 chỉ tiêu.

- Các vị trí việc làm Thư viện viên hạng IV, mã số V.10.02.07, công tác tại Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở: 02 chỉ tiêu.

*(đính kèm Phụ lục)*

## **II. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN**

### **1. Các tiêu chuẩn, điều kiện chung**

Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- Từ đủ 18 tuổi trở lên;

- Có Phiếu đăng ký dự tuyển;
- Có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ đảm bảo theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển;
- Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ.

## **2. Các tiêu chuẩn, điều kiện riêng**

### **2.1. Đối với vị trí giáo viên Mầm non hạng IV, mã số: V.07.02.06, công tác tại Trường Mầm non, Mẫu giáo**

- Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm Mầm non trở lên;
- Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*gọi tắt là trình độ ngoại ngữ bậc 1*) hoặc chứng chỉ tiếng Anh trình độ A trở lên hoặc tương đương;
- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin (*gọi tắt là trình độ tin học đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản*) hoặc chứng chỉ tin học trình độ A trở lên đối với các khóa đào tạo, cấp chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C (*theo Quyết định số 21/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 03 tháng 7 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình tin học ứng dụng A, B, C*) đang triển khai trước ngày Thông tư liên tịch số 17/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 có hiệu lực (*gọi tắt là chứng chỉ tin học trình độ A trở lên*).

### **2.2. Đối với vị trí giáo viên Tiểu học hạng IV, mã số V.07.03.09, công tác tại Trường Tiểu học, Tiểu học và Trung học cơ sở**

- Có bằng tốt nghiệp Đại học sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên;
- Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 hoặc chứng chỉ tiếng Anh trình độ A trở lên hoặc tương đương. Riêng đối với vị trí giáo viên môn Tiếng Anh, phải có trình độ Tiếng Anh bậc 4 (B2) hoặc tương đương trở lên và trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên;
- Có trình độ tin học đạt chuẩn Công nghệ thông tin cơ bản hoặc chứng chỉ tin học trình độ A trở lên.

### **2.3. Đối với vị trí giáo viên Trung học cơ sở hạng III, mã số V.07.04.12, công tác tại Trường Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở**

- Có bằng tốt nghiệp Đại học sư phạm trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp Đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên Trung học cơ sở;

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 hoặc chứng chỉ tiếng Anh trình độ A trở lên hoặc tương đương. Riêng đối với vị trí giáo viên môn Tiếng Anh, phải có trình độ Tiếng Anh bậc 4 (B2) hoặc tương đương trở lên và trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 1 (A1) hoặc tương đương trở lên;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn Công nghệ thông tin cơ bản hoặc chứng chỉ tin học trình độ A trở lên.

**2.4. Đối với vị trí Thư viện viên hạng IV, mã số V.10.02.07, công tác tại Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở**

- Có bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành Thư viện trở lên hoặc Trung cấp chuyên ngành khác có liên quan. Nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành Thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 hoặc chứng chỉ tiếng Anh trình độ A trở lên hoặc tương đương;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn Công nghệ thông tin cơ bản hoặc chứng chỉ tin học trình độ A trở lên.

**3. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển:**

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

**III. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN**

Hồ sơ đăng ký dự tuyển ban đầu, gồm:

1. Phiếu đăng ký dự tuyển: người có nhu cầu đăng ký dự tuyển viên chức phải lập và nộp Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP) để kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển theo quy định tại Vòng 1;

2. Bản photo không chứng thực các văn bằng, chứng chỉ (ngoại ngữ, tin học) theo yêu cầu của vị trí dự tuyển. Riêng đối với các văn bằng, chứng chỉ do nước ngoài cấp thì phải dịch sang Tiếng Việt có công chứng;

3. Bản photo không chứng thực giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có);

4. 01 (một) ảnh cỡ 3x4;

5. 03 phong bì thư (có dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại của người đăng ký dự tuyển).

Hồ sơ đăng ký dự tuyển được đựng vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5 cm.

#### **IV. THỜI HẠN, ĐỊA CHỈ, ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN HỒ SƠ**

1. Thời hạn nhận hồ sơ: kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2020 đến hết ngày 25 tháng 01 năm 2021.

2. Địa chỉ và địa điểm tiếp nhận hồ sơ: tại Tổ Hành chính - Tổ chức Phòng Giáo dục và Đào tạo, đường Cách Mạng Tháng Tám, khóm 5, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp, số điện thoại 0277.3507.828 (trong giờ hành chính).

#### **V. HÌNH THỨC, NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỂM ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG; THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM TUYỂN DỤNG**

##### **1. Hình thức, nội dung tuyển dụng**

Tuyển dụng viên chức thực hiện theo hình thức xét tuyển thông qua phỏng vấn và thực hiện theo 2 Vòng như sau:

**1.1. Vòng 1:** kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự Vòng 2.

**1.2. Vòng 2:** phỏng vấn để kiểm tra về năng lực, kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển. Cụ thể: người dự tuyển được kiểm tra bằng hình thức phỏng vấn các nội dung sau: Phần pháp luật viên chức và Phần pháp luật về ngành Giáo dục và Đào tạo (*Danh mục tài liệu đính kèm Thông báo này*).

- Điểm phỏng vấn tính theo thang điểm 100.

- Thời gian phỏng vấn không quá 30 phút (bao gồm thời gian chuẩn bị và thời gian trả lời câu hỏi phỏng vấn).

- Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn Vòng 2.

##### **2. Đối tượng và điểm ưu tiên trong xét tuyển**

**2.1.** Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2.

**2.2.** Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, học viên tốt

nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã ngành Quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2.

**2.3.** Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm Vòng 2.

Trường hợp người dự xét tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại khoản này thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm Vòng 2.

### **3. Thời gian và địa điểm phỏng vấn Vòng 2**

**3.1. Thời gian:** dự kiến vào đầu tháng 02 năm 2021 (*sẽ thông báo cụ thể sau*).

**3.2. Địa điểm:** dự kiến tại Trường Tiểu học Tràm Chim 2, khóm 4, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp.

## **VI. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN**

Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

1. Có kết quả điểm phỏng vấn tại Vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.
2. Có số điểm Vòng 2 cộng với điểm ưu tiên theo quy định tại khoản 2, Mục V Thông báo này (*nếu có*) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm (tính theo từng môn dạy).

Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm tính theo quy định tại khoản 2 nêu trên bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm phỏng vấn Vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

## **VII. HỒ SƠ SAU KHI TRÚNG TUYỂN**

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến cơ quan Phòng Giáo dục và Đào tạo để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, bao gồm:

**1.1.** Bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền các văn bằng, chứng chỉ (ngoại ngữ, tin học) theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

**1.2.** Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (*nếu có*).

**1.3.** Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

**1.4.** Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp chậm nhất là 30 ngày trước ngày nộp hồ sơ tiếp nhận.

**2.** Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Ủy ban nhân dân huyện thông báo công khai trên Trang Thông tin điện tử của huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

## **VIII. TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG, PHÂN CÔNG**

**1.** Sau khi có quyết định công nhận kết quả tuyển dụng và người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo quy định, người trúng tuyển được nhận quyết định tuyển dụng, phân công (thời gian nhận quyết định theo thông báo của Phòng Giáo dục và Đào tạo), đến trình diện tại đơn vị trúng tuyển để ký hợp đồng làm việc và nhận việc theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

**2.** Trường hợp người được tuyển dụng viên chức không đến ký hợp đồng làm việc và nhận việc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định tuyển dụng thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập đề nghị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức hủy bỏ quyết định tuyển dụng.

## **IX. LỆ PHÍ TUYỂN DỤNG**

Thực hiện theo Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. Cụ thể như sau: tạm thu 500.000 đồng/hồ sơ.

Thông báo tuyển dụng này được thông báo công khai trên sóng phát thanh huyện, niêm yết tại Trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo, trên Trang Thông tin điện tử huyện theo địa chỉ

<https://tamnong.dongthap.gov.vn> và Phòng Giáo dục và Đào tạo theo địa chỉ <https://pgdtamnong.edu.vn>. Người đăng ký dự tuyển cần cập nhật thường xuyên trên Cổng Thông tin điện tử Phòng Giáo dục và Đào tạo để biết thông tin về thời gian triệu tập phỏng vấn, nội dung phỏng vấn, kết quả phỏng vấn, kết quả tuyển dụng và một số thông tin khác.

Các ứng viên có nhu cầu đăng ký dự tuyển cần biết thêm chi tiết vui lòng liên hệ Tổ Hành chính - Tổ chức Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tam Nông, đường Cách Mạng Tháng Tám, khóm 5, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, số điện thoại 0277.3507.828 (trong giờ hành chính) để được hướng dẫn cụ thể./.

***Nơi nhận:***

- Sở Nội vụ;
- Sở GD&ĐT;
- TT HU; TT HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Ban Tổ chức Huyện ủy;
- Trường Đại học Đồng Tháp;
- Các Phòng: Nội vụ, GD&ĐT;
- Trung tâm VH-TT&TT;
- Các Trường MN, TH, THCS trên địa bàn Huyện;
- Trang Thông tin điện tử huyện;
- Cổng TTĐT Phòng GD&ĐT: [pgdtamnong.edu.vn](https://pgdtamnong.edu.vn);
- Lưu: VT, NCVX<sup>Vinh+Túc</sup>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Thanh Nam**



**DANH MỤC TÀI LIỆU**  
**PHÒNG VĂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC**  
*(kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /12/2020*  
*của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)*

**I. Phần pháp luật viên chức**

- Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, Công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019.
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
- Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.
- Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.
- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.
- Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.
- Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định về đạo đức nhà giáo.

**II. Phần pháp luật về ngành Giáo dục và Đào tạo**

**1. Văn bản chung cho các cấp học (kể cả chức danh Thư viện)**

- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019.
- Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục.
- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình giáo dục phổ thông.
- Thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn công tác xã hội trong trường học.
- Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập.

**2. Văn bản riêng cho từng vị trí dự tuyển**

**2.1. Chức danh giáo viên Mầm non hạng IV, mã số: V.07.02.06**

- Điều lệ Trường mầm non (Ban hành theo Quyết định số 04/VBHN-BGDĐT ngày 25/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên

mầm non (Thông tư 26); Công văn số 5569/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư số 26.

- Thông tư số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non.

- Thông tư số 12/2019/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non.

## **2.2. Chức danh giáo viên Tiểu học hạng IV, mã số V.07.03.09**

- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ Trường tiểu học.

- Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông (Thông tư 20); Công văn số 4530/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư số 20.

- Thông tư số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

- Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

- Thông tư số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học.

## **2.3. Chức danh giáo viên THCS hạng III, mã số V.07.04.12**

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông (Thông tư 20); Công văn số 4530/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư số 20.

- Thông tư số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS công lập.

- Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

- Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT; Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ

Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **2.4. Chức danh Thư viện viên hạng IV, mã số V.10.02.07**

- Luật Thư viện ngày 21 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.
- Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện.
- Quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông; Quyết định số 01/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 29 tháng 01 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông.
- Công văn số 11185/GDTH ngày 17/12/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông.